

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết và Quy định

Nhiệm kỳ 2016 - 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2016 về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước. Qua quá trình thực hiện, các chế độ chi đã tạo điều kiện các đại biểu Hội đồng



nhân dân và đội ngũ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong nhiệm kỳ.

Hiện nay, một số căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được thay thế bằng các quy định mới, như: Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; một số định mức chi không còn phù hợp với quy định hiện hành; một số chế độ chính sách của đại biểu Hội đồng nhân dân theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được quy định cụ thể để thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực thi hành.

Vì vậy, để tiếp tục đảm bảo các chế độ và điều kiện hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết và Quy định

Nội dung Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và Quy định được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Nội dung chính của Quy định

Nội dung của Quy định cơ bản được xây dựng trên nền tảng các nội dung tại quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bổ sung một số chế độ của đại biểu



Hội đồng nhân dân theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nội dung Quy định bao gồm 2 Chương và 12 Điều, trong đó:

Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3)

Chương II: Quy định cụ thể (từ Điều 4 đến Điều 12), cụ thể:

- Điều 4. Quy định về mức chi hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Điều 5. Quy định về chi phụ cấp các chức danh không chuyên trách;
- Điều 6. Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân;
- Điều 7. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát;
- Điều 8. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành;
- Điều 9. Chi hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Điều 10. Chi công tác xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm, 6 tháng của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân;
- Điều 11. Chi tiếp xúc cử tri;
- Điều 12. Một số chế độ chi tiêu khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

(Kèm theo nội dung dự thảo Quy định)

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH *Phuon*
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Lâm



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 269/TTr-HĐND

ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh, bao gồm:

1. Chi phụ cấp các chức danh không chuyên trách.
2. Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân.
3. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát của các đoàn giám sát do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thành lập theo Nghị quyết về chương trình giám sát hàng năm của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân.
4. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành.
5. Chi hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.
6. Chi công tác xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm, 6 tháng của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.
7. Chi tiếp xúc cử tri.
8. Một số chế độ chi khai thác thông tin họp trực tuyến, chi công tác phí, chi làm thêm giờ cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và các nội dung chi khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ, định mức chi trong quy định này được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng

nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân phục vụ trực tiếp hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng quy định. Các khoản chi thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo. Mức chi phụ cấp các chức danh không chuyên trách áp dụng bằng mức chi phụ cấp chức vụ của các chức danh chuyên trách.

2. Mức chi đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tổ chức, thực hiện trong một buổi (1/2 ngày) bằng 50% mức chi theo quy định.

3. Các chế độ khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các khoản chi đặc thù khác chưa được quy định cụ thể, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tình hình thực tế của địa phương để quyết định cụ thể.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi hoạt động phí của đại biểu Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,5 mức lương cơ sở;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,4 mức lương cơ sở;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,3 mức lương cơ sở.

Điều 5. Chi phụ cấp các chức danh không chuyên trách

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm các chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,3 mức lương cơ sở;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,9 mức lương cơ sở.

b) Cấp huyện:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,7 mức lương cơ sở;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,3 mức lương cơ sở.

c) Cấp xã:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,25 mức lương cơ sở;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,2 mức lương cơ sở.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm các chức vụ Phó Trưởng Ban, Ủy viên của các ban, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc, như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Tổ trưởng Tổ đại biểu: 0,5 mức lương cơ sở/tháng;
- Tổ phó Tổ đại biểu và Ủy viên của các Ban: 0,3 mức lương cơ sở/tháng.

b) Cấp huyện:

- Tổ trưởng Tổ đại biểu: 0,2 mức lương cơ sở/tháng;
- Tổ phó Tổ đại biểu và Ủy viên của các Ban: 0,15 mức lương cơ sở/tháng.

c) Cấp xã:

- Phó Trưởng Ban (nếu có): 0,1 mức lương cơ sở/tháng;
- Ủy viên của các Ban: 0,05 mức lương cơ sở/tháng.

3. Người kiêm nhiệm chức vụ ở cơ quan khác nếu kiêm nhiệm thêm chức vụ trong Hội đồng nhân dân vẫn được hưởng phụ cấp tại khoản 1, khoản 2 điều này. Người kiêm nhiệm nhiều công việc trong một cấp Hội đồng nhân dân hoặc nhiều cấp Hội đồng nhân dân thì hưởng một mức phụ cấp cao nhất.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày;

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân

1. Chi tiền giải khát giữa giờ tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- b) Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Bồi dưỡng thêm Chủ tọa và Thư ký phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Chủ tọa kỳ họp: 100% mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu cùng cấp;

b) Thư ký kỳ họp: 80% mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu cùng cấp.

4. Chi xây dựng và hoàn thiện nghị quyết trình tại kỳ họp.

a) Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: áp dụng theo quy định hiện hành.

b) Nghị quyết cá biệt:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/nghị quyết;

- Cấp huyện: 300.000 đồng/nghị quyết;

- Cấp xã: 200.000 đồng/nghị quyết.

Đối với nghị quyết sửa đổi, bổ sung thì mức chi bằng 80% mức chi nói trên.

c) Chi việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện và phát hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/nghị quyết;

- Cấp huyện: 150.000 đồng/nghị quyết;

- Cấp xã: 100.000 đồng/nghị quyết.

d) Các nội dung chi thuộc điểm b, điểm c khoản này không áp dụng đối với các nghị quyết về: xác nhận kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi nhiệm vụ.

5. Chi soạn thảo các văn bản khác trình kỳ họp Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;

- Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;

- Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

6. Chi xây dựng, hoàn thiện bài phát biểu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Phát biểu khai mạc, bế mạc:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/bài phát biểu;

- Cấp huyện: 300.000 đồng/bài phát biểu;

- Cấp xã: 200.000 đồng/bài phát biểu.

b) Phát biểu khi dự kỳ họp cấp dưới trực tiếp:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/bài phát biểu;

- Cấp huyện: 200.000 đồng/bài phát biểu.

7. Chi xây dựng, tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ đại biểu (nếu có):

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/kỳ họp;

- Cấp huyện: 300.000 đồng/kỳ họp;

Điều 7. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát

1. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả thẩm tra, giám sát, khảo sát:

a) Chi xây dựng kế hoạch thẩm tra, giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng và hoàn thiện thông báo, báo cáo kết quả thẩm tra, giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành phần đoàn thẩm tra, giám sát, khảo sát:

a) Thành phần đoàn:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng thêm Trưởng đoàn hoặc người chủ trì: 100% mức chi cho thành phần đoàn.

Điều 8. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành

1. Chi tổ chức họp lấy ý kiến:

a) Thành phần tham dự:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc họp;
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/cuộc họp;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

b) Bồi dưỡng thêm người chủ trì: 100% mức chi cho thành phần tham dự.

2. Chi góp ý kiến bằng văn bản (chỉ thực hiện trong trường hợp không tổ chức họp):

a) Các dự án luật, pháp lệnh và văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương.

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.



b) Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành:

- Cấp tỉnh: 250.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

3. Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến: 100% mức quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Chi hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân và người được mời tham gia hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được chi hỗ trợ tiền ăn như sau:

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- b) Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Bồi dưỡng thêm người chủ trì: 100% mức quy định tại khoản 1 điều này.

3. Chi xây dựng báo cáo tham luận, bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan cấp trên tổ chức (không áp dụng đối với cấp xã). Tùy phạm vi và mức độ, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp triệu tập quyết định mức chi cụ thể, nhưng tối đa không quá 500.000 đồng/báo cáo hoặc bài phát biểu đối với cấp tỉnh; 300.000 đồng/báo cáo hoặc bài phát biểu đối với cấp huyện.

Điều 10. Chi công tác xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm, 6 tháng của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân

Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân được chi bồi dưỡng, mức chi tối đa như sau:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.

Điều 11. Chi tiếp xúc cử tri

a) Hỗ trợ mỗi đơn vị hành chính cấp xã 10.000.000 đồng/năm để phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, người chủ trì Hội nghị tiếp xúc cử tri: đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đại biểu được bầu (đối với tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử); đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú (đối với

tiếp xúc cử tri nơi cư trú); đại diện Ban chấp hành Công đoàn (đối với tiếp xúc cử tri nơi làm việc) và thành phần được mời tham dự Hội nghị tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

d) Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

e) Trong trường hợp, có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì áp dụng mức chi ở cấp cao nhất. Đối với nội dung chi quy định tại điểm c, khoản này thì thành phần do Hội đồng nhân dân cấp nào mời thì cấp đó đảm bảo.

Điều 12. Một số chế độ chi tiêu khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Chế độ thanh toán tiền phương tiện công tác.

Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí từ ngân sách Nhà nước khi tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân được Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thanh toán tiền xe theo giá phương tiện công cộng.

2. Chế độ chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ:

a) Hỗ trợ tiền mua sắm trang phục cho đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu tham gia ở nhiều cấp thì hưởng ở cấp cao nhất), mức hỗ trợ như sau:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

b) Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp để truy cập thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/đại biểu/tháng;
- Cấp huyện: 150.000 đồng/đại biểu/tháng;
- Cấp xã: 100.000 đồng/đại biểu/tháng.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có thể quyết định việc thuê tư vấn về kỹ thuật, chuyên môn để tham gia thẩm tra, giám sát những vấn đề thuộc thẩm quyền khi thấy cần thiết. Mức thuê không quá 4.000.000 đồng/01 lần đến xong việc.



3. Chế độ đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

a) Hàng tháng, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách được hỗ trợ kinh phí để khai thác thông tin phục vụ hoạt động và cuộc họp trực tuyến:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/tháng;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được thanh toán tiền làm thêm giờ theo số giờ thực tế và không quá 200 giờ/năm.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được khoán tiền công tác phí hàng tháng:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng;

d) Hàng năm, tùy tình hình thực tế, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách được cấp kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ công tác. Mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

4. Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với đại biểu Hội đồng nhân dân.

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị đau ốm nằm viện được chi thăm hỏi: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/người/lần; cấp huyện 800.000 đồng/người/lần; cấp xã 500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi tối đa không quá: Cấp tỉnh 4.000.000 đồng/người/lần; cấp huyện 3.000.000 đồng/người/lần; cấp xã: 2.000.000 đồng/người/lần.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân và thân nhân của đại biểu Hội đồng nhân dân gồm: Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con từ trần, được Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức thăm viếng, mức chi tối đa không quá:

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/người;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/người;
- Cấp xã: 500.000 đồng/người.

c) Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Ban của Hội đồng nhân dân, mức chi tối đa không quá:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người;
- Cấp huyện: 800.000 đồng/người;
- Cấp xã: 500.000 đồng/người.

d) Những trường hợp đặc biệt khác do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp đó xem xét, quyết định.

5. Chế độ chi cho phóng viên Đài, Báo, cán bộ, công chức phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân:

a) Phóng viên Đài, Báo và cán bộ, công chức là thành viên tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân nói ở Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 11 trên đây được hưởng chế độ như đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

b) Cán bộ, công chức, người lao động thực hiện các công việc có liên quan đến phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân nói ở Điều 6 (trừ khoản 2), Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 11 trên đây được hưởng chế độ bằng 50% mức của đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

